

Bản án số: 36/2020/HS-ST
Ngày 07-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hoàng và ông Phạm Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Can Lộc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Na - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HS ngày 26/6/2020 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Đặng Đình Q; **Sinh ngày:** 07/7/1995; **Nơi sinh:** Xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; **Nơi cư trú:** Thôn Tân T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; **Nghề nghiệp:** Không; **trình độ văn hoá:** 9/12; **dân tộc:** Kinh; **giới tính:** Nam; **tôn giáo:** Không; **quốc tịch:** Việt Nam; **con ông Đặng Đình Hà và bà Phan Thị Bình; vợ Nguyễn Thị Mỹ L và 02 con lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền sự:** Không; **tiền án:** Ngày 02/10/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 139/2018-HSST; bị cáo tạm giam từ ngày 14/02/2020 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

+ **Chị Phan Thị Hồng Q;** sinh năm: 1975; địa chỉ: Xóm Thọ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

+ **Anh Trần Đức A;** sinh năm: 1990; địa chỉ: Số nhà 302, đường Q, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

+ **Anh Võ Tá P;** sinh năm: 1992; địa chỉ: TDP 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

+ **Anh Phạm Đức Hiếu;** sinh năm: 1990; địa chỉ: Xóm Tiên Tiến, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Lê Hữu T; sinh năm: 1998; địa chỉ: Xóm Thọ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ L; sinh năm: 1997; địa chỉ: Thôn Tân T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

+ Anh Trần Văn L; sinh năm: 1990; địa chỉ: Xóm T, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

+ Ông Trần Huy H; sinh năm: 1962; địa chỉ: Số nhà 302, đường Q, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết nhau từ trước nên Đặng Đình Q sinh năm 1995 trú tại thôn Tân T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh thường qua lại với Phan Văn Đ sinh năm 1995 trú tại thôn Q, xã H, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Vào khoảng 12 giờ ngày 10/02/2020, Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider BKS 38C-312.86 (chiếc xe này là tài sản chung của vợ chồng Q) chở theo Đ đi từ xã T, huyện C đến thị trấn Nghèn, C để uống cà phê. Khi đi đến quán trà sữa Seoul ở bên đường quốc lộ 1A, thị trấn Nghèn, huyện C, Đ phát hiện chiếc xe mô tô Yamaha Exiter, biển kiểm soát 38M1- 330.75 của chị Phan Thị Hồng Q sinh năm 1975 trú tại thôn Thọ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh để bên cạnh quán nhưng không có ai trông coi nên Đ nói với Q dừng xe lại để trộm nhưng vì lúc đó có người đi đường qua nên Đ bảo Q đi qua sau đó vòng lại để lấy trộm. Q đồng ý và điều khiển xe đi qua quán sau đó vòng lại, Q dừng xe đứng cạnh giới, còn Đ đi bộ đến chỗ chiếc xe, dùng vạm phá khóa xe. Sau khi mở được khóa, Đ điều khiển xe trộm được đi về hướng xã T, C, Q điều khiển xe của Q theo sau. Khi đi về đến ngã tư thị trấn Nghèn, huyện C, Đ đổi xe trộm được cho Q điều khiển, còn Đ đi xe của Q. Khi về đến trường tiểu học T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh Đ tiếp tục đổi xe cho Q, còn Đ điều khiển xe trộm được đi về hướng xã H, huyện Lộc Hà để tiêu thụ, Q điều khiển xe của mình về nhà ở T, huyện C. Hai ngày sau Đ gọi điện báo với Q đã gửi xe trộm được vào miền Nam tiêu thụ, lúc nào tiêu thụ được sẽ chia cho Q tiền nhưng đến nay Q vẫn chưa nhận được tiền bán xe từ Đ.

Quá trình điều tra Q còn khai nhận ngoài thực hiện hành vi trộm cắp nêu trên, trong tháng 02/2020 Q đã cùng với Đ thực hiện 03 vụ trộm cắp khác nữa, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 16 giờ ngày 06/02/2020, Đ gặp và rủ Q lên thị trấn Nghèn, huyện C để uống cà phê. Q đồng ý và điều khiển xe mô tô của Q chở Đ. Đi dọc đường, Đ bảo Q chở ra thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh để Đ lấy điện thoại. Q đồng ý và chở Đ đi theo quốc lộ 1A ra thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Khi đi qua ngã tư đường tránh thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh khoảng 2km thì Đ bảo Q rẽ sang đường rồi dừng lại trước số nhà 302 của ông Trần Huy H sinh năm 1962 ở bên phải đường Q, thị xã H. Đ bảo Q ngồi chờ trên xe, còn Đ xuống xe móc trong ví Đ ra vam phá khóa và đi vào trong nhà. Khoảng 03 phút sau, Q thấy Đ đẩy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exiter nên Q hỏi xe của ai thì Đ bảo xe trộm được rồi Đ điều khiển xe đó, còn Q điều khiển xe của mình theo sau Đ đi trên quốc lộ 1A về hướng huyện C. Đi được khoảng 1km thì Đ dừng lại đổi xe trộm được cho Q và hứa cho Q 02 triệu sau khi bán xe. Q đồng ý và điều khiển xe trộm được còn Đ điều khiển xe của Q. Khi về đến xã Thiên Lộc, huyện C thì cả hai tiếp tục đổi xe để Đ điều khiển xe trộm được đi tiêu thụ. Chiếc xe trên là của anh Trần Đức A sinh năm 1990 trú tại phường Đậu Liêu, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh (con trai của ông Trần Huy H), mang biển kiểm soát 38F1-056.73. (Đối với vụ trộm cắp này sau khi được thông báo vụ việc, cơ quan Công an thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh ban hành công văn số 79 ngày 12/3/2020 ủy quyền và đề nghị Công an huyện C tổ chức điều tra xử lý trong cùng một vụ án).

Vụ thứ hai: Vào khoảng 08 giờ ngày 10/02/2020 trước vụ trộm cắp xe mô tô tại quán Seoul ở thị trấn Nghèn, C, Đ gọi điện bảo Q xuống H, Lộc Hà chở Đ đi uống cà phê. Biết ý của Đ rủ đi uống cà phê là có đi dạo để thực hiện trộm cắp xe mô tô nên Q điều khiển xe mô tô của mình chở Đ từ xã H, huyện Lộc Hà đi vào hướng thành phố Hà Tĩnh. Khi đi qua cầu Hộ Độ được khoảng 2km thì cả hai phát hiện phía bên phải đường trước số nhà 445, phường Q, thành phố Hà Tĩnh có nhiều xe mô tô dựng không có ai trông coi nên Q vòng xe và dừng lại ngồi trên xe cảnh giới để Đ đi lại dùng vam phá khóa trộm được chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh đen bạc, biển kiểm soát 38M1- 357.28 của anh Võ Tá P sinh năm 1992 trú tại tổ dân phố 4, thị trấn T, huyện T, Hà Tĩnh. Sau khi phá được khóa Đ nổ máy và điều khiển xe trộm được đi về hướng huyện Lộc Hà, còn Q điều khiển xe của mình đi theo sau Đ nhưng sau đó Q đi về nhà, Đ đưa xe trộm được đi tiêu thụ.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 11 giờ ngày 11/02/2020 Đ gọi điện thoại rủ Q vào thành phố Hà Tĩnh để mua đồ. Q đồng ý và điều khiển xe mô tô của mình xuống H, Lộc Hà chở Đ vào thành phố Hà Tĩnh. Khi đi qua cầu Hộ Độ khoảng 3km thì cả hai phát hiện phía bên trái đường có nhiều xe mô tô không có người trông coi nên Đ nói với Q lại đứng cảnh giới, còn Đ đi bộ lại dùng vam phá khóa lấy trộm được chiếc xe nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, biển kiểm soát 38M1-

497.05 của anh Phạm Đức Hiếu sinh năm 1990 trú tại xã T, thành phố Hà Tĩnh gửi tại bãi giữ xe của anh Trần Văn L ở số 110, Q, thành phố Hà Tĩnh để đi làm. Sau khi phá được khóa, Đ điều khiển xe trộm được đi về hướng H, Lộc Hà, còn Q điều khiển xe của mình về nhà ở T, C.

Đối với hai vụ trộm cắp này sau khi được thông báo vụ việc, cơ quan Công thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh ban hành công văn số 196 ngày 13/3/2020 ủy quyền và đề nghị Công an huyện C tổ chức điều tra xử lý trong cùng một vụ án.

Cả 4 chiếc xe mà Đ và Q cùng lấy trộm được, Đ đã đưa đi tiêu thụ ở đâu, cho ai và được bao nhiêu Q không biết. Đến thời điểm bị bắt Q chưa gặp lại Đ và chưa nhận được tiền bán xe từ Đ.

Bản kết luận định giá tài sản số 04 ngày 17/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C xác định tổng giá trị các tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 84.000.000 đồng, cụ thể: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exiter, màu đen biển kiểm soát 38M1- 330.75 đã qua sử dụng trị giá 36.000.000 đồng; 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exiter, màu xanh biển kiểm soát 38F1-056.73 đã qua sử dụng trị giá 21.000.000 đồng; 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đen bạc, biển kiểm soát 38M1- 497.05 đã qua sử dụng trị giá 11.000.000 đồng; 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 38M1- 357.28 đã qua sử dụng trị giá 16.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan CQĐT Công an huyện C đã thu giữ từ Đặng Đình Q: 01 (một) chiếc áo khoác màu đen, cam (loại áo có mũ); 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy, biển kiểm soát 38C1- 312.86 mang tên Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1997 trú tại xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider, màu sơn đen đỏ, BKS 38C- 312.86, số khung: 11ANJV115455, số máy: CGA1515040. Các vật chứng này hiện chưa xử lý. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, có gắn thẻ sim 0396705379 đã trả lại cho chủ sở hữu; Đối với 04 chiếc xe mô tô mà cùng Phan Văn Đ ntrộm cắp được thì sau đó Đ đã gửi vào miền Nam tiêu thụ, Q không biết Đ gửi bằng cách nào, cho ai? Quá trình điều tra Đ đã bỏ trốn nên chưa xác định nơi tiêu thụ, cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm các xe này trên phạm vi toàn quốc nhưng chưa có kết quả; Đối với chiếc vạm phá khóa mà Đ sử dụng làm công cụ phạm tội là do Đ chuẩn bị và là người trực tiếp sử dụng nên Q không biết công cụ đó ở đâu. Do Đ đã bỏ trốn nên chưa thể truy tìm được.

Về dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã nhờ vợ là chị Nguyễn Thị Mỹ L khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại, cụ thể: Trả cho chị Phan Thị Hồng

Q số tiền 35 triệu đồng (nay chị Quyên không có yêu cầu gì thêm); trả cho anh Võ Tá P 8 triệu đồng (anh Phúc yêu cầu bồi thường đủ số tiền 16 triệu đồng theo kết quả định giá tài sản). Gia đình bị cáo đã chủ động giao nộp cho cơ quan điều tra 16 triệu đồng để khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại còn lại (trong đó 5.500.000 đồng cho Phạm Đức Hiếu; 10.500.000 đồng cho Trần Đức A). Hiện nay các bị hại Hiếu và Anh chưa đồng ý nhận và yêu cầu bị cáo phải bồi thường đầy đủ giá trị thiệt hại về tài sản theo kết quả định giá.

Với hành vi trên, Cáo trạng số 35/CT –VKS-CL ngày 20/5/2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Đặng Đình Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Người bị hại chị Phan Thị Hồng Q vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên tại hồ sơ phản ánh đã nhận số tiền 35 triệu đồng, nay không yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp.

Người bị hại anh Trần Đức A vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên tại hồ sơ yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị còn lại chưa bồi thường của chiếc xe bị mất 10.500.000 đồng. Người bị hại anh Võ Tá P yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị còn lại chưa bồi thường của chiếc xe bị mất 8 triệu đồng. Người bị hại Phạm Đức Hiếu yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị còn lại chưa bồi thường của chiếc xe bị mất 5.500.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mỹ L là vợ của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét khoản tiền đã thay bị cáo bồi thường cho những người bị hại mà hai bên sẽ tự thỏa thuận giải quyết sau khi bị cáo chấp hành án xong.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Đình Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; Điều 32; Điều 38; tiết thứ hai điểm b, tiết thứ nhất điểm s, điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Đặng Đình Q mức án từ 36 đến 40 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 14/02/2020.

Bị cáo nói lời sau cùng thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có tranh luận gì với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi và quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát

nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và các chứng cứ khác có tại hồ sơ, như vậy đủ cơ sở kết luận: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, từ ngày 06 đến ngày 11/02/2020 Đặng Đình Q đã 4 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C, thị xã H và thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, cụ thể:

Lần thứ 1: Khoảng 16 giờ ngày 06/02/2020 lấy trộm của anh Trần Đức A sinh năm 1990 trú tại phường Đậu Liêu, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exiter, mang biển kiểm soát 38F1-056.73 trị giá 21.000.000 đồng.

Lần thứ 2: Khoảng 08 giờ ngày 10/02/2020, tại số nhà 445, phường Q, thành phố Hà Tĩnh, lấy trộm của anh Võ Tá P sinh năm 1992 trú tại tổ dân phố 4, thị trấn T, huyện T, Hà Tĩnh 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, mang biển kiểm soát 38M1- 357.28 trị giá 16.000.000 đồng.

Lần thứ 3: Khoảng 12 giờ ngày 10/02/2020, tại quán ăn Seoul, ở khối 1A thị trấn Nghèn, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh lấy trộm của chị Phan Thị Hồng Q sinh năm 1975 trú tại xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exiter, mang biển kiểm soát 38M1-330.75 trị giá 36.000.000 đồng.

Lần thứ 4: Khoảng 11 giờ ngày 11/02/2020, bãi giữ xe ở số 110, đường Q, thành phố Hà Tĩnh, lấy trộm của anh Phạm Đức Hiếu sinh năm 1990 trú tại xã T, thành phố Hà Tĩnh 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, số loại Anpha, mang biển kiểm soát 38M1- 497.05 trị giá 11.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Đặng Đình Q chiếm đoạt là 84.000.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo Đặng Đình Q lợi dụng sơ hở lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có tổng trị giá 84.000.000 đồng đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 84.000.000 đồng là từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo đang chấp hành bản án 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm

về tội “Trộm cắp tài sản”, lại cố ý phạm tội 04 lần về cùng một tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo sống lang thang không có nghề nghiệp lấy việc trộm cắp tài sản làm nguồn sống cũng như phục vụ nhu cầu của mình. Vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt “có tính chất chuyên nghiệp” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Do đó việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo 04 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và đều đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý vì vậy bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Tái phạm” quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã nhờ vợ bồi thường hơn $\frac{1}{2}$ số tiền đã chiếm đoạt cho người bị hại nhằm khắc phục hậu quả, bị cáo tự nguyện khai báo về hành vi phạm tội của mình trước khi bị phát hiện, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các Điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Đồng thời tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù tại Bản án số 139/2018-HSST, ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

[7] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng” do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo không có công ăn việc làm và thu nhập sống phụ thuộc vào gia đình nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Trong vụ án này có Phan Văn Đ nhiệm nay đang bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định truy nã. Kiến nghị cơ quan CSĐT Công an huyện C tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Phan Thị Hồng Q đã nhận số tiền 35 triệu đồng, nay không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu giải quyết đối với số tiền mà chị đã thay bị cáo bồi thường nên HĐXX không xem xét.

Người bị hại anh Trần Đức A yêu cầu bị cáo bồi thường 10.500.000 đồng; Người bị hại anh Võ Tá P yêu cầu bị cáo bồi thường 8 triệu đồng; Người bị hại Phạm Đức Hiếu yêu cầu bị cáo bồi thường 5.500.000 đồng là giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt còn lại theo kết quả định giá. Xét thấy yêu cầu của những người bị hại là có căn cứ nên cần áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại số tiền trên.

[10] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Mỹ L 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, có gắn thẻ sim 0396705379 là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider, màu sơn đen đỏ, BKS 38C-312.86, số khung: 11ANJV115455, số máy: CGA1515040 là tài sản chung của vợ chồng, Đặng Đình Q sử dụng chiếc xe này chở Phan Văn Đ nđi trộm cắp chị Nguyễn Thị Mỹ L không biết. Theo kết luận định giá tài sản số số 04 ngày 17/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C xác định trị giá chiếc xe là 32 triệu đồng. Hiện nay chị Linh tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 16.000.000 đồng (1/2 giá trị chiếc xe) và đề nghị nhận lại chiếc xe trên. Vì vậy cần trả lại chiếc xe này cho chị Linh đồng thời tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 16 triệu đồng chị Linh đã nộp.

01 (một) giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy, biển kiểm soát 38C1-312.86 mang tên Nguyễn Thị Mỹ L là giấy tờ xe của chị Linh nên trả lại cho chị Linh.

01 (một) chiếc áo khoác màu đen, cam (loại áo có mũ) không liên quan đến hành vi phạm tội theo quy định trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo Đặng Đình Q không yêu cầu nhận lại chiếc áo này vì vậy cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 47; khoản 5 Điều 65; Điều 56 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585,

586, 588, 589 Bộ luật dân sự; điểm a,c khoản 2 Điều 106, điểm a, b khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 3; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 và mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Đặng Đình Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

3. *Về hình phạt chính:* Xử phạt Đặng Đình Q 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 30 tháng tù tại Bản án số 139/2018-HSST, ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 66 (Sáu mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 14/02/2020 nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2018 đến ngày 02/10/2018 (của bản án số 139/2018-HSST, ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương).

4. *Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo Đặng Đình Q bồi thường cho những người bị hại tổng số tiền 24 triệu đồng cụ thể: Anh Trần Đức A 10.500.000 đồng; Anh Võ Tá P 8 triệu đồng; Anh Phạm Đức Hiếu 5.500.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực anh Trần Đức A, anh Phạm Đức Hiếu đến tại Chi cục Thi hành án nhận số tiền mà bị cáo đã nộp bồi thường do Cơ quan điều tra chuyển đến cụ thể: Anh Trần Đức A nhận 10.500.000 đồng, anh Phạm Đức Hiếu nhận 5.500.000 đồng.

5. *Về vật chứng:* Trả lại cho chị Nguyễn Thị Mỹ L 01 Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider, màu sơn đen đỏ, BKS 38C1-312.86, số khung: 11ANJV115455, số máy: CGA1515040 kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy, biển kiểm soát 38C1- 312.86 mang tên Nguyễn Thị Mỹ L. Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 16.000.000 đồng do chị Nguyễn Thị Mỹ L đã nộp.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc áo khoác màu đen, cam (loại áo có mũ).

Tình trạng vật chứng có tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/5/2020 giữa Công an huyện C và Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

6. *Về án phí:* Bị cáo Đặng Đình Q phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. *Về quyền kháng cáo đối với bản án:* Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong

hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện C;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS; VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Trung Thông